TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 640/2025/HC-PT
Ngày: 26 - 5 - 2025
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tám

Bà Bùi Thị Thu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy -Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dâncấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 154/2025/TLPT-HC ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 502/2024/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2916/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: D L, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: F, Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: F P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Ủy ban nhân dân quận B: Ông Đặng Minh N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Ủy ban nhân dân quận B: Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1992 - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty cổ phần B1 (vắng mặt).

Địa chỉ: D L, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B;

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện có đơn khởi kiện và bản tự khai trình bày:

Ba căn nhà số D, D (số cũ là 42/2) và 42B (số cũ 42/4) Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm phần hẻm bên hông nhà số D (diện tích khoảng 19,3m^2) có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị Đ là chủ sở hữu. Sau đó bà Đ bán các căn nhà này cho nhiều người. Sau đó, Ủy ban nhân dân quận B cấp Giấy phép mua bán chuyển dịch chủ quyền nhà số 529/GP-UB ngày 16/3/1991 cho các bên. Theo đó, đặc điểm của căn nhà được ghi nhận trong giấy phép là: Ngang trước 4,4m, ngang sau 6,55m, dài 7,8m, đã trừ lộ giới. Theo Biên bản xác minh do Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B lập ngày 04/11/2015 ghi nhận hiện trạng nhà số D Đ có kích thước ngang trước là 3,26m, ngang sau là 6,73m, dài 7,8m.

Trong quá trình sử dụng, do nhà số D, 42B không có lối đi nên chủ nhà số D Đ có chừa một khoảng sân bên hông nhà để làm lối đi chung cho 3 nhà số D, D, D Đ. Bà Lữ Ngọc M là đời chủ thứ ba của nhà số D đã cho phép ông Giang T (Xin) là chủ nhà số D Đ trổ cửa tại vị trí sát của nhà số D để đi nhờ một thời gian (có xác nhận của bà M).

Năm 2001, bà Nguyễn Thị Thanh H nhận chuyển nhượng 03 căn nhà nêu trên. Năm 2019, bà H có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân quận B công nhận phần diện tích 19,3 m^2 (đang là hẻm bên hông nhà số D và dẫn vào nhà số D, 4 Đường Đ) thuộc quyền sử dụng của bà H.

Ngày 07/8/2019, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Văn bản số 2990/UBND-TNMT trả lời bà H với nội dung (tóm tắt): Phần đất 19,3m^2 (theo Bản đồ địa chính lập năm 2002 là đường giao thông) không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Bà H yêu cầu hủy Văn bản số 2990/UBND-TNMT ngày 07/8/2019 của Ủy ban nhân dân quận B, đồng thời yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận B thực hiện nhiệm vụ công vụ trong việc xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 19,3m^2 bên hông nhà số D Đ.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Ủy ban nhân dân quận B trình bày:

Phần đất bên hông nhà số D Đ, Phường A có nguồn gốc là hẻm, vị trí phần diện tích đất nêu trên thuộc khu vực không phù hợp quy hoạch (quy hoạch lộ giới hẻm 2m được duyệt theo Quyết định số 4493/QĐ-UB ngày 07/7/2010 và được điều chỉnh theo Quyết định số 7644/QĐ- UBND-QLĐT ngày 21/8/2013 của Ủy ban nhân dân quận B). Do đó, phần đất nêu trên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Việc Ủy ban nhân dân quận B có Văn bản số 2990/UBND-TNMT ngày 07/8/2019 trả lời bà H là đúng quy định. Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 502/2024/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H.

- Hủy Văn bản số 2990/UBND - TNMT ngày 07/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

- Buộc Ủy ban nhân dân quận B thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 07/11/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B kháng cáo bản án sơ thẩm.

- Ngày 11/10/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 7326/QĐ-VKS-HC kháng nghị bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và nội dung đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa rút toàn bộ quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong phần tranh luận, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên nội dung đã nêu trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người bị kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã rút toàn bộ quyết định kháng nghị số 7326/QĐ-VKS-HC ngày 11/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với quyết định kháng nghị nêu trên theo quy định tại Điều 229 Luật tố tụng hành chính.

[3] Năm 2001, bà Nguyễn Thị Thanh H nhận chuyển nhượng 03 căn nhà số D, 42A và D đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2019, bà H có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân quận B công nhận phần diện tích 19,3m^2 (hiện trạng là hẻm bên hông nhà số D và dẫn vào nhà số D, D đường Đ) thuộc quyền sử dụng của bà H. Ngày 07/8/2019, Ủy ban nhân dân quận B có văn bản số 2990/UBND-TNMT trả lời bà H với nội dung: Phần đất 19,3m^2 (theo Bản đồ địa chính lập năm 2002 là đường giao thông) không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Văn bản số 2990/UBND-TNMT ngày 07/8/2019 của Ủy ban nhân dân quận B;

- Buộc Ủy ban nhân dân quận B thực hiện nhiệm vụ công vụ trong việc xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 19,3m^2 bên hông nhà số D Đ.

[4] Quá trình giải quyết của Tòa án các cấp đối với yêu cầu khởi kiện của bà H như sau:

Ngày 21/7/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Ngày 03/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị bản án sơ thẩm. Ngày 25/01/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận quyết định kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện

của bà H.

Ngày 18/12/2023, Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định giám đốc thẩm số 64/2023/HC-GĐT với nhận định: Theo Văn bản số 7924/VPĐK-KTĐC ngày 30/5/2017 của Văn phòng Đ1 phúc đáp Văn bản số 1320/TATP-THC ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản "Trích sao sổ điền thổ" ngày 22/5/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H, phần đất có diện tích 19,3m^2 bên hông nhà số D Đường Đ thuộc một phần Bằng khoán số 1425, Tờ bản đồ số 13, B. Vậy, trước năm 1975, phần đất này không phải là đường giao thông. Tuy vậy, bản án giám đốc thẩm cho rằng Tòa án cấp dưới chưa làm rõ chủ nhà số D có thỏa thuận gì với bà H hay không, nên đã hủy Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ nội dung trên để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho chủ nhà số D (nếu có tranh chấp). Ngày 16/4/2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết lại vụ án.

[5] Bản án sơ thẩm nhận định:

[5.1] Phần đất có diện tích 19,3m^2 bên hông nhà số D Đ có nguồn gốc là phần sân bên hông thuộc nhà số D Đ. Chủ nhà số D đầu tiên là bà Nguyễn Thị Đ, đồng thời là chủ nhà của 2 căn nhà phía sau nhà số D là nhà số D (số cũ là 42/2) và nhà số D (số cũ là 42/4) đã lấy phần sân bên hông nhà số 42 cho nhà số D và nhà số D đi nhờ ra Đường Đ.

Theo Văn bản số 7924/VPĐK-KTĐC ngày 30/5/2017 của Văn phòng Đ1 phúc đáp Văn bản số 1320/TATP-THC ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản "Trích sao sổ điền thổ" ngày 22/5/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H, phần đất có diện tích 19,3m^2 bên hông nhà số D Đường Đ thuộc một phần Bằng khoán số 1425, Tờ bản đồ số 13, B. Vậy, trước năm 1975, phần đất này không phải là đường giao thông.

Tuy vậy, tại Bản đồ địa chính chính quy lập năm 2002 thể hiện phần đất 19,3m^2 bên hông nhà số D Đường Đ là hẻm. Nhưng từ năm 2001 (trước khi lập Bản đồ địa chính chính quy năm 2002), bà H đã mua cả 03 căn nhà, là nhà số D, nhà số D và nhà số D Đ và khi thực hiện đo vẽ để lập Bản đồ địa chính năm 2002, bà H không ký xác định ranh giới (thể hiện tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất của các căn nhà trên, không có chủ đất ký xác nhận). Bà H là người sử dụng phần đất 19,3m^2 bên hông nhà số D Đ ổn định từ năm 2001 đến nay, không có ai sử dụng phần đất này. Năm 2019, bà H đã xin hợp thửa đối với 3 căn nhà nêu trên và đã được Ủy ban nhân dân quận B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH01381 vào ngày 09/8/2019.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với phần đất 19,3m^2 đang tranh chấp ghi nhận: *hướng từ Đường Đinh Tiên H1 nhìn vào: phía trước phần đất này có 01 cổng sắt cao khoảng 02 mét, không có mái che, ngăn cách phần đất này và Đường Đ;*

phần đất này hiện trạng là sân của nhà số D, 42A và 42B Đường Đ; phía bên tay phải có kiến trúc cửa sổ xê-nô nhô ra 0,4m che cửa sổ dọc theo chiều dài nhà số D Đường Đ; có ống thoát nước mưa và đồng hồ nước của nhà số D Đường Đ; có cửa đi ra phần đất này của nhà số D, 42A và 42B Đường Đ; ngoài 03 cửa đi ra phần đất này của 03 nhà số D, 42A và D Đường Đ thì không còn cửa đi ra nào khác; phía bên tay trái có bức tường riêng cao khoảng 0,6m ngăn cách phần đất này và nhà số D Đường Đ; phía dưới phần đất này có đường ống thoát nước của nhà số D, 42A và D Đường Đ ra cống công cộng của Đường Đ.

Theo Văn bản số 2743/UB-QLĐT ngày 12/9/2001 của Ủy ban nhân dân quận B, trả lời bà Vũ Thị T1 và bà Trần Thị B (là chủ cũ nhà số D và nhà số D) về việc bà T1, bà B không đồng ý cho ông Mai Chí H2 (chủ nhà số D) trổ cửa ra lối đi nằm giữa nhà số D và nhà số D Đ, có nội dung: Trước đây nhà số D đã có cửa đi mở ra lối này, lối đi này là lối đi chung của cả 04 nhà là nhà số D, nhà số D (D), nhà số D (D) và nhà số D. Hiện nay, nhà số D đã bít cửa và không sử dụng lối đi bên hông nhà số D.

[5.2] Ngày 24/7/2024 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 11035/TB-TA với nội dung đề nghị Công ty cổ phần B1 (là chủ sở hữu hợp pháp đối với căn nhà số D Đường Đ (nay là Đường L), Phường A, quận B cho biết ý kiến: "*Công ty cổ phần B1 có sử dụng phần đất diện tích 19,3m^2 bên hông nhà số D Đ làm lối đi không? Công ty cổ phần B1 có ý kiến gì về việc bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B công nhận phần diện 19,3m^2 này là thuộc quyền sử dụng đất của mình?*". Sau đó, Tòa án đã triệu tập Công ty cổ phần B1 tham gia vụ án vụ án với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, phía công ty không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia phiên tòa. Mặt khác, theo Biên bản xem xét tại chỗ ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì xác định phần đất trống nằm giữa nhà số D và D Đ (nay là Lê Văn D), Phường A, quận B: "*Kế bên nhà 42 Lê Văn D (phía trái nhìn từ Đường Lê Văn D vào) có phần đất trống tiếp giáp nhà 44 Lê Văn D. Phần đất này có cửa rào bảo vệ, làm lối đi (sân) của nhà 42 Lê Văn D. Phần đất này được ngăn cách với nhà 44 Lê Văn D có vách rào bằng khung sắt liền lạt, không có lối thông. Diện tích đất trống chưa xác định*".

[5.3] Theo các tài liệu, chứng cứ trên có cơ sở xác định phần đất trên chỉ do bà H sử dụng liên tục và không phải do Ủy ban nhân dân quận B quản lý trực tiếp hay có đầu tư cơ sở hạ tầng để làm đường giao thông công cộng; hiện nay chủ sở hữu nhà 44 cũng không có sử dụng hay tranh chấp. Căn cứ Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 thì bà H đủ điều kiện để được cấp quyền sử dụng đất đối với phần đất này.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

[6] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận định và quyết định là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện có kháng

cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 229; khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 7326/QĐ-VKS-HC ngày 11/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

II. Bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 502/2024/HC-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H.

- Hủy Văn bản số 2990/UBND - TNMT ngày 07/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

- Buộc Ủy ban nhân dân quận B thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

III. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà đương sự đã nộp theo các biên lai thu số 0069609, 0069608 cùng ngày 25/12/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (1);
- NBK (2);
- NLQ (1);
- Lưu (5) 14b (Án NThuy).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên